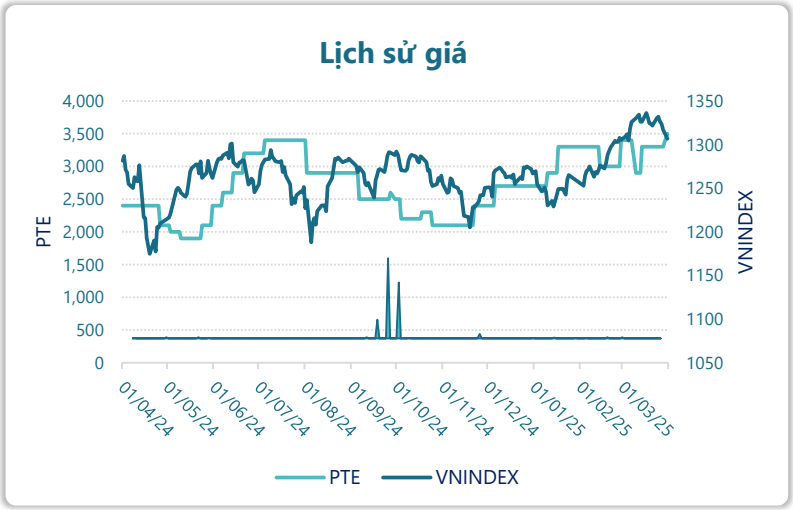
FireAnt

CTCP Xi măng Phú Thọ (UPCOM: PTE)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
SL cổ phiếu LH	12,130,776
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
P/E	-1.1
EPS	-3,062

DT thuần

Q1/25

39.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.4| -20.8%

YoY: ▲ 4.70| 13.5%

LN sau thuế

Q1/25

-8.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.20| 33.1%

YoY: ▲ 0.82| 8.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

9.7%

+/- YoY: ▲ 23.4%

DT thuần

2024

160

tỷ VNĐ

YoY: ▼28.0| -15.1%

LN sau thuế

2024

-2.39

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 59.2| 96.1%

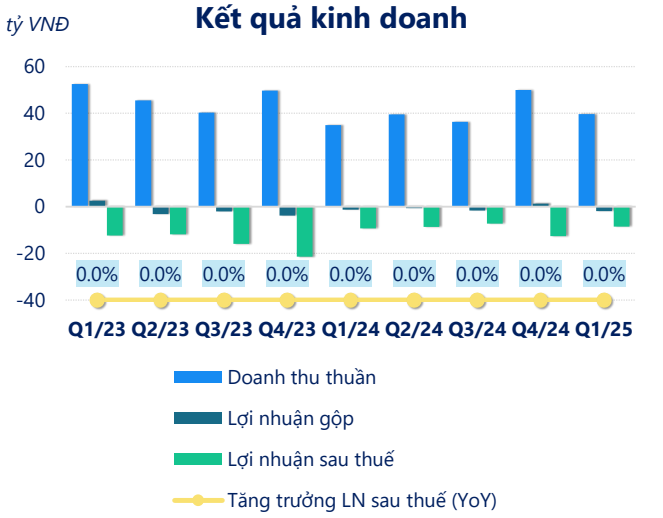
ROE

2024

0.8%

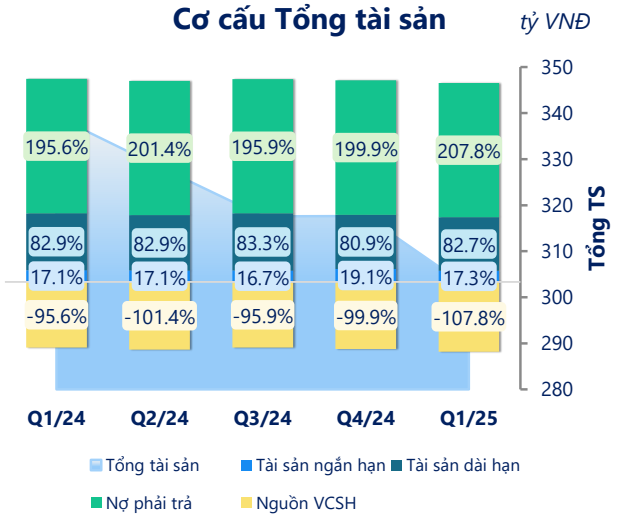
+/- YoY: ▼ 20.9%

Kết quả kinh doanh



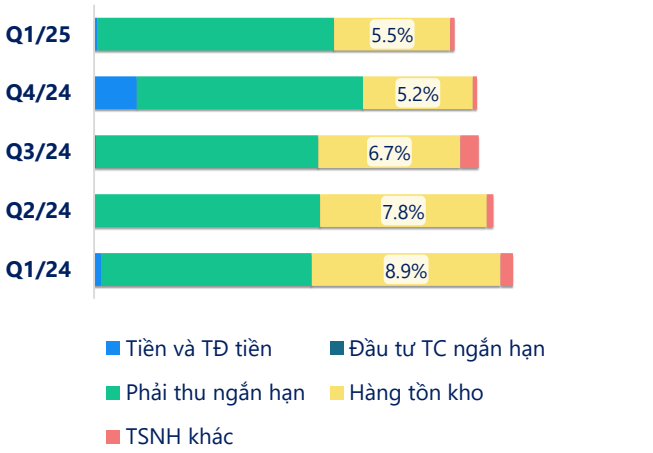
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



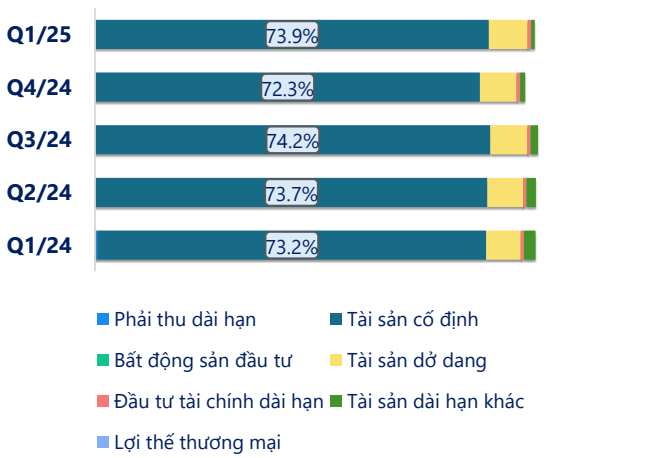
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



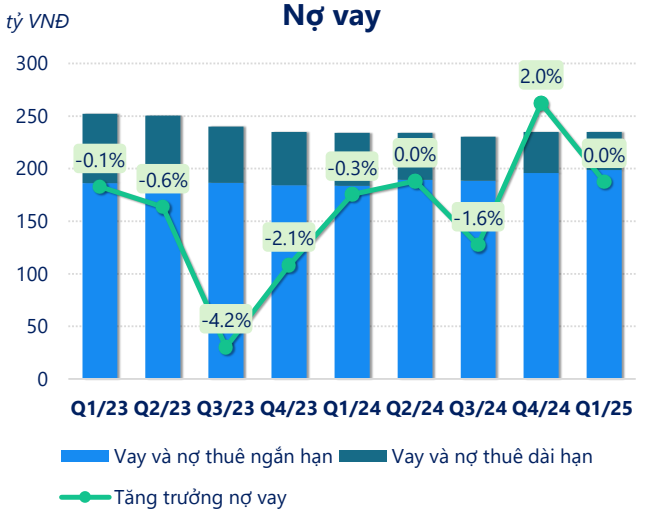
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



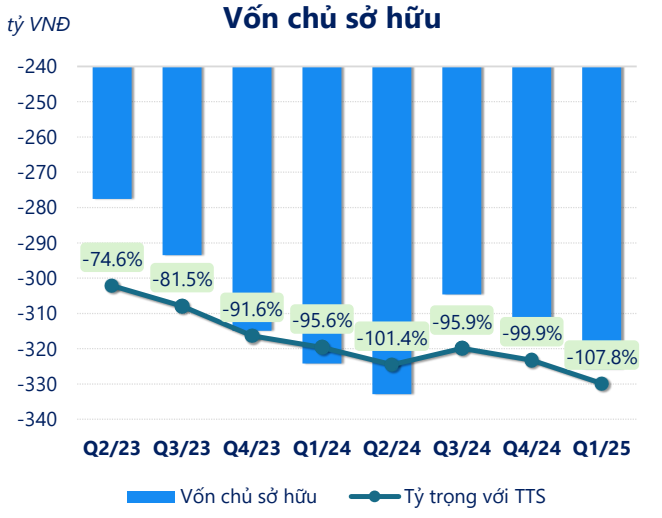
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



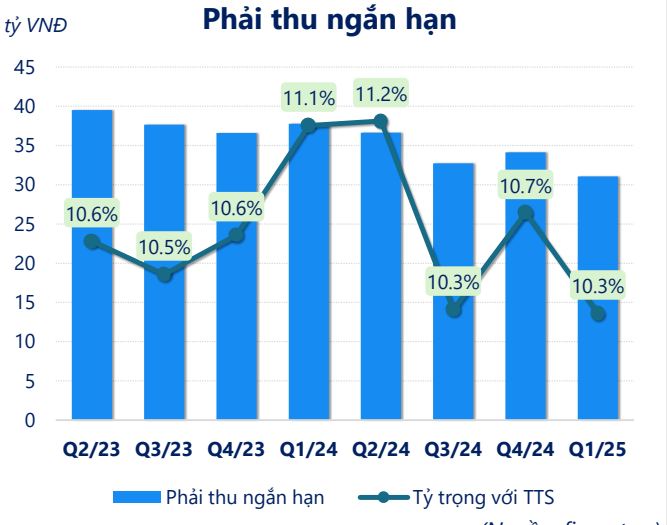
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



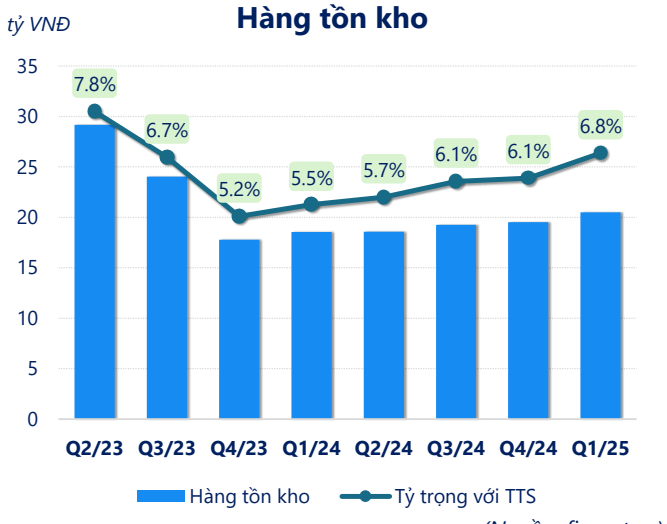
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



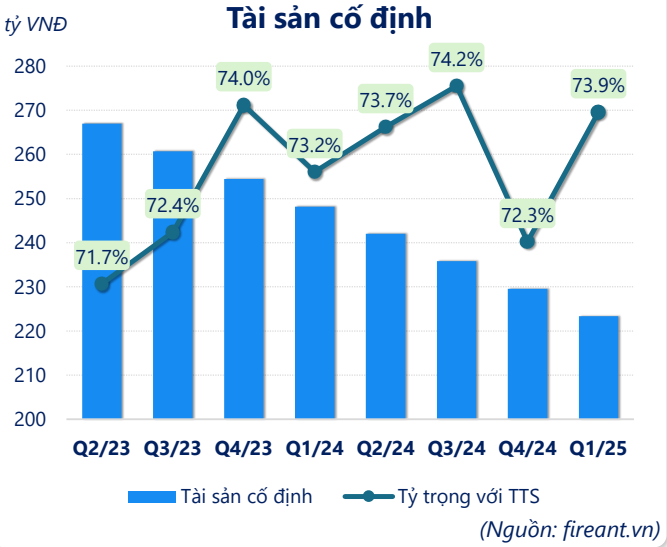
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



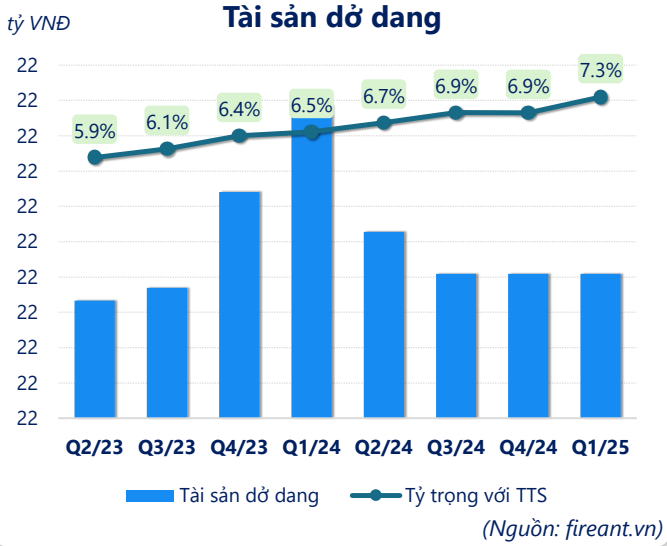
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



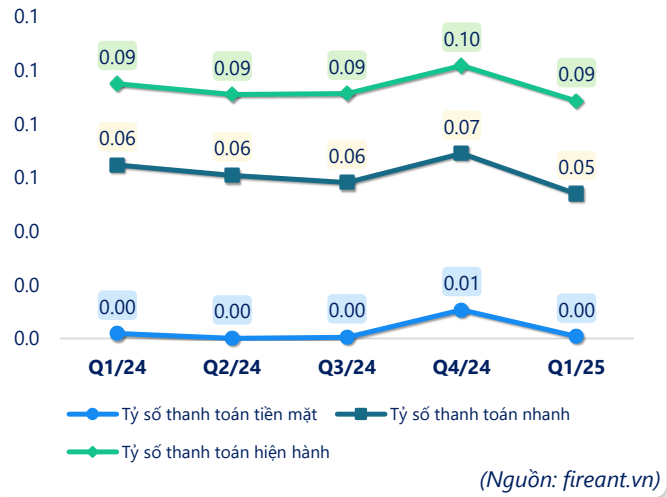
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



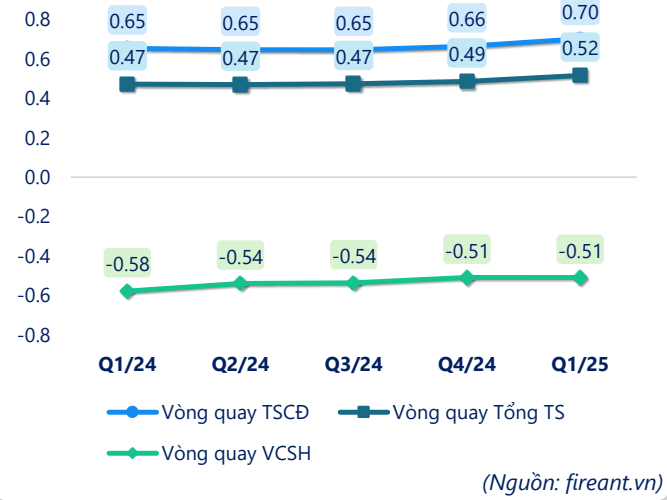
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**339**	**328**	**318**	**318**	**302**
Tài sản ngắn hạn	**58.2**	**56.1**	**53.0**	**60.6**	**52.4**
Tiền và tương đương tiền	1.12	0.04	0.29	6.36	0.44
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	37.8	36.6	32.7	34.1	31.1
Hàng tồn kho	18.5	18.6	19.2	19.5	20.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.71	0.82	0.71	0.61	0.36
Tài sản dài hạn	**281**	**272**	**265**	**257**	**250**
Phải thu dài hạn	1.51	0.31	0.31	0.36	0.41
Tài sản cố định	248	242	236	230	223
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	22.0	22.0	22.0	22.0	22.0
Đầu tư tài chính dài hạn	2.06	2.03	2.03	2.03	2.03
Tài sản dài hạn khác	7.33	5.86	4.49	3.13	2.03
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**663**	**661**	**622**	**635**	**628**
Nợ ngắn hạn	**613**	**616**	**580**	**596**	**592**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	184	189	188	196	199
Phải trả người bán ngắn hạn	95.0	88.8	85.1	83.4	82.4
Nợ dài hạn	50.5	44.8	41.9	39.0	36.1
Vay và nợ thuê dài hạn	50.5	44.8	41.9	39.0	36.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-324**	**-333**	**-305**	**-317**	**-326**
Vốn chủ sở hữu	**-324**	**-333**	**-305**	**-317**	**-326**
Vốn điều lệ	125	125	125	125	125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)